

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TQ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 23/8/2025

*“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình
có yếu tố nước ngoài”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TQ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Th.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh và bà Hoàng Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TQ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TQ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TQ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2025/TLST - HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2025, về việc *“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 23a/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST – HNGĐ ngày 08/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn AT, xã NK, tỉnh TQ (địa chỉ trước sáp nhập: Thôn AT, xã NH, huyện YS, tỉnh TQ).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố 3, xã HH, tỉnh BN (địa chỉ trước sáp nhập: Tổ dân phố 3, thị trấn Th, huyện HH, tỉnh BG). Chỗ ở hiện nay: Cộng Hòa Séc (không rõ địa chỉ nơi tạm trú).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn vào ngày 04/5/2009, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Th, huyện HH, tỉnh BG (nay là UBND xã HH, tỉnh BN), đăng ký kết hôn do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị sống cùng gia đình nhà anh K, đến năm 2016 vợ chồng chị về xã NH, tỉnh TQ sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2017

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do năm 2017, anh K đi xuất khẩu lao động nên hai bên luôn bất đồng về quan điểm, hai bên cách xa nhau về địa lý nên không thường xuyên quan tâm đến nhau, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng. Hiện vợ chồng không còn yêu th nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh TQ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 04/8/2009, thời gian trước cháu Tr ở với anh K bên nước Cộng hòa Séc, nhưng thời gian này cháu Tr đang ở Việt Nam để chuyển bị Visa. Sau khi ly hôn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi cháu Tr.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định chị và anh K không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn K hiện đang sinh sống và lao động ở nước ngoài (Cộng Hòa Séc): Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh TQ đã thông báo, gửi, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh K thông qua ông Nguyễn Văn KH là bố đẻ của anh K (người thân của anh K) tại Việt Nam, tuy nhiên ông KH không thông báo được hết tất cả các tài liệu cho anh K, anh K không cho ông biết địa chỉ nơi hiện đang sống và làm việc ở nước ngoài, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu theo đúng quy định của pháp luật.

Tại công văn số 1899/QL-XNC ngày 19/5/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh BG, xác định: Công dân Nguyễn Văn K, sinh ngày 02/10/1984, đã sử dụng hộ chiếu số B2419240 xuất cảnh gần nhất ngày 25/01/2018 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, Hà Nội, chưa có thông tin nhập cảnh.

Do anh K đang sinh sống, lao động ở nước ngoài (Cộng Hòa Séc) và chị H không yêu cầu hòa giải, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án mà giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh TQ phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi xét xử. Anh Nguyễn Văn K đã được người thân trong gia đình thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không thường xuyên và kịp thời, anh K không cung cấp địa chỉ bên nước ngoài cho chị H, gia đình, địa pH biết nên chị H, gia đình và địa pH không nắm được địa chỉ chỗ tạm trú, nơi làm việc của anh K, Tòa án đã niêm yết các tài liệu theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị quyết 01/2025/HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh TQ tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của chị Nguyễn Thị H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định cuộc sống chung của vợ chồng chị H, anh K không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện mỗi người ở một nước, không có khả năng đoàn tụ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 04/8/2009 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh K không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào 04/5/2009, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Th, huyện HH, tỉnh BG (nay là UBND xã HH, tỉnh BN), Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 04/5/2009 - là hôn nhân hợp pháp. Anh Nguyễn Văn K hiện đang sinh sống, lao động ở nước ngoài (Cộng Hòa Séc), theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2025/HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh TQ.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh Nguyễn Văn K hiện đang lao động ở nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với gia đình để thăm hỏi bố mẹ. Gia đình anh K xác định, anh K đang lao động và sinh sống tại Cộng Hòa Séc nhưng gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh K. Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố

tụng của Tòa án cho anh K thông qua bố đẻ, nhưng gia đình không tổng đạt được cho anh K thường xuyên và kịp thời vì anh K không cung cấp địa chỉ ở nước ngoài cho chị H, gia đình và địa pH biết nên chị H, gia đình, địa pH không nắm được địa chỉ chỗ tạm trú, nơi làm việc của anh K, Tòa án đã niêm yết các tài liệu theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào công văn số 1899/QL-XNC ngày 19/5/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh BG, xác định: Công dân Nguyễn Văn K, sinh ngày 02/10/1984, đã sử dụng hộ chiếu số B2419240 xuất cảnh gần nhất ngày 25/01/2018 qua Sân bay quốc tế Nội Bài, Hà Nội, chưa có thông tin nhập cảnh. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào 04/5/2009 tại UBND thị trấn Th, huyện HH, tỉnh BG (nay là UBND xã HH, tỉnh BN), Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 04/5/2009 - là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H, anh K sống cùng gia đình nhà anh K được thời gian ngắn, sau đó vợ chồng chuyển đến xã NK, tỉnh TQ sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do năm 2017, anh K đi xuất khẩu lao động nên hai bên luôn bất đồng về quan điểm, hai bên cách xa nhau về địa lý nên không thường xuyên quan tâm đến nhau, đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng. Hiện vợ chồng không còn yêu tH nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay giữa chị H và anh K mỗi người ở một nước khác nhau. Như vậy, vợ chồng chị H, anh K không thể cải thiện được, xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh K.

[3.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống chị H và anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 04/8/2009, thời gian trước cháu Tr ở với anh K bên nước Cộng Hòa Séc, nhưng tại thời điểm chị H yêu cầu ly hôn với anh K cháu Tr đang ở Việt Nam, theo yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị H và theo nguyện vọng của cháu Tr được ở với bố, tuy nhiên anh K đang ở nước ngoài và trong quá trình giải quyết vụ án anh K không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy, hiện nay anh K đang ở nước ngoài.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ, chị H có thu nhập và chỗ ở ổn định. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và nguyện vọng về việc nuôi con chị H, Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao cháu Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 04/8/2009 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị H xác định, chị và anh K không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết 01/2025/HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 04/8/2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn K

không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003537 ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh TQ, chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Văn K không phải án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định. Anh Nguyễn Văn K vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm 1, TANDTC tại Hà Nội;
- Viện phúc thẩm 1, VKSNDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh TQ;
- THADS tỉnh TQ;
- UBND xã HH, tỉnh BN (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Ma Hồng Th

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thanh Hoàng Thị Duyên

Ma Hồng Th